

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ LÊ HỒNG

Biểu số 108/CK TC-NSNN

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2024
(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

Đơn vị: đồng

NỘI DUNG	DỰ TOÁN	NỘI DUNG CHI	DỰ TOÁN
TỔNG SỐ THU	9,560,763,000	TỔNG SỐ CHI	9,560,763,000
I. Các khoản thu xã hưởng 100%	210,000,000	I. Chi đầu tư phát triển	3,000,000,000
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ (1)	3,209,600,000	II. Chi thường xuyên	6,404,137,000
III. Thu bổ sung	6,141,163,000	III. Dự phòng	156,626,000
- Bổ sung cân đối	6,141,163,000		
- Bổ sung có mục tiêu			
IV. THU CHUYỂN NGUỒN NGÂN SÁCH			

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2024
(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

Đơn vị: đồng

ST T	NỘI DUNG	SỐ TIỀN	GHI CHÚ
	TỔNG THU NGÂN SÁCH XÃ (I + II + III)	9,560,763,000	
I	CÁC KHOẢN THU HUỖNG 100%	210,000,000	
1	Thu từ quỹ đất công ích, HLCS	150,000,000	
	<i>Trong đó:</i>		
	-Thu từ quỹ đất công điền	150,000,000	
	-Thu bồi thường giải phóng mặt bằng		
2	Thu từ hoạt động kinh tế và thu SN		
3	Thu đóng góp của nhân dân theo quy định		
4	Thu đóng góp của tổ chức cá nhân		
5	Thu kết dư ngân sách năm trước		
6	Thu khác	60,000,000	
7	Thu viện trợ trực tiếp của nước ngoài		
II	CÁC KHOẢN THU PHÂN CHIA THEO TỶ LỆ %	3,209,600,000	
*	<i>Các khoản thu phân chia (1)</i>	209,600,000	
1	Phí, lệ phí (100%)	15,000,000	
2	Thuế môn bài từ cá nhân hộ kinh doanh (100%)	3,900,000	
3	Thuế đất phi nông nghiệp (100%)	61,000,000	
4	Thuế thu nhập cá nhân (xã 80%; TT 50%)	16,600,000	
5	Thuế GTGT (xã 80%; TT 50%)	33,100,000	
6	Lệ phí trước bạ nhà đất (100%)	80,000,000	
*	<i>CÁC KHOẢN THU PHÂN CHIA KHÁC CỦA TỈNH(2)</i>	3,000,000,000	
1	Thu tiền sử dụng đất xã (30%, TT20%)	3,000,000,000	
2	Thu tiền xử lý đất dôi dư (80%)		
III	THU BỔ SUNG TỪ NGÂN SÁCH CẤP TRÊN	6,141,163,000	
1	Thu bổ sung cân đối ngân sách	5,984,537,000	
2	Dự phòng ngân sách xã	156,626,000	
3	Bổ sung có mục tiêu ngân sách trung ương		
IV	Thu viện trợ không hoàn lại cho xã		

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2024
(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

Đơn vị tính: đồng

STT	NỘI DUNG	TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYỀN	Ghi chú
A	B	4	5	6	7=4/1
	Tổng chi ngân sách xã (A+B)	9,560,763,000	3,000,000,000	6,560,763,000	
A	Chi ngân sách xã đã qua Kho bạc	9,560,763,000	3,000,000,000	6,560,763,000	
I	Chi đầu tư phát triển	3,000,000,000	3,000,000,000		
1	Chi đầu tư XDCB	3,000,000,000	3,000,000,000		
1.1	- Trường học		0		
1.2	- Trạm y tế				
1.3	- Trụ sở, hội trường UBND xã	890,000,000	890,000,000		
1.4	- Giao thông	2,110,000,000	2,110,000,000		
1.5	- Nghĩa trang liệt sĩ				
1.6	- Các công trình khác				
2	Chi đầu tư phát triển khác				
2.1	Chi mua sắm TSCĐ				
2.2	Chi đầu tư phát triển khác				
II	Chi thường xuyên	6,560,763,000		6,560,763,000	
1	Chi công tác dân quân tự vệ, an ninh trật tự	636,180,300		636,180,300	
	- Chi dân quân tự vệ	413,734,300		413,734,300	
	- Chi an ninh trật tự	222,446,000		222,446,000	
2	Sự nghiệp giáo dục	7,880,000		7,880,000	
3	Sự nghiệp y tế	18,000,000		18,000,000	
4	Sự nghiệp văn hóa	60,500,000		60,500,000	
5	Sự nghiệp truyền thanh	68,600,000		68,600,000	
6	Sự nghiệp thể dục thể thao	10,000,000		10,000,000	
7	Sự nghiệp kinh tế	170,240,000		170,240,000	
	- SN giao thông	60,000,000		60,000,000	
	- SN nông - lâm - thủy lợi	110,240,000		110,240,000	
	- SN thị chính				
	- Thương mại, dịch vụ				
	- Các sự nghiệp khác				
8	Sự nghiệp xã hội	277,016,000		277,016,000	
	- Hưu xã, thôi việc và trợ cấp khác	207,216,000		207,216,000	
	- Trẻ mồ côi, người già, cứu tế xã hội				
	- Khác	69,800,000		69,800,000	
9	Chi sự nghiệp môi trường	50,000,000		50,000,000	
10	Chi quản lý Nhà nước, Đảng, Đoàn thể	5,004,920,700		5,004,920,700	
	<i>Trong đó: Quỹ lương</i>				
	- Quản lý Nhà nước	2,639,569,900		2,639,569,900	
	- Đảng cộng sản Việt Nam	1,042,926,400		1,042,926,400	
	- Đoàn thể, hội quần chúng	1,322,424,400		1,322,424,400	
	+ <i>Mặt trận tổ quốc Việt Nam</i>	539,467,600		539,467,600	
	+ <i>Đoàn Thanh niên CSHCM</i>	231,161,200		231,161,200	
	+ <i>Hội Phụ nữ Việt nam</i>	186,771,000		186,771,000	
	+ <i>Hội Cựu chiến binh Việt nam</i>	159,462,000		159,462,000	
	+ <i>Hội Nông dân Việt nam</i>	205,562,600		205,562,600	
11	Chi khác	100,800,000		100,800,000	
	Chi chuyển nguồn sang năm sau				
	Các khoản chi khác	100,800,000		100,800,000	
12	Dự phòng ngân sách	156,626,000		156,626,000	
B	Chi ngân sách xã chưa qua Kho Bạc				

DỰ TOÁN CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2024
(Dự toán trình Hội đồng nhân dân)

Đơn vị: 1000 đồng

Tên công trình	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng dự toán được duyệt		Giá trị thực hiện đến 31/12/2023	Giá trị đã thanh toán đến 31/12/2023	Dự toán năm 2024			
						Tổng số	Trong đó thanh toán khối lượng năm trước	Chia theo nguồn vốn	
		Tổng số	Trong đó nguồn đóng góp của dân					Nguồn cân đối ngân sách	Nguồn đóng góp
TỔNG SỐ		13,514,153	-	12,039,850	4,309,000	9,700,000	2,700,000	3,000,000	
1. Công trình chuyển tiếp		12,670,379	-	12,039,850	4,309,000	2,700,000	2,700,000	2,700,000	-
1.1. Xây dựng và cải tạo hệ thống thoát nước trong khu dân cư thôn Hoành Bồ xã Lê Hồng	2020-2020	1,156,616		1,084,441	858,000	200,000	200,000	200,000	
1.2. Kè ao mở rộng đường đoạn từ ngã tư ông Dự đến nhà thờ Thanh Xá, thôn Phí Thanh Xá, xã Lê Hồng, huyện Thanh Miện.	2021-2021	400,479		370,855	300,000	60,000	60,000	60,000	
1.3. Xây dựng và cải tạo hệ thống thoát nước và chỉnh trang đường giao thông trong khu dân cư đoạn từ nhà văn hóa thôn Phí Thanh Xá đến ngã tư ông Dự, thôn Phí Thanh Xá, xã Lê Hồng, huyện Thanh Miện	2021-2021	1,150,845		1,059,554	900,000	150,000	150,000	150,000	
1.4. Cải tạo và mở rộng nhà làm việc một cửa – UBND xã	2021-2022	743,097		736,000	-	400,000	400,000	400,000	
1.5. Cải tạo khuôn viên nhà văn hóa thôn Phương Quan, xã Lê Hồng, huyện Thanh Miện	2021-2021	298,351		296,000	200,000	90,000	90,000	90,000	
1.6. Cải tạo, nâng cấp đường giao thông nông thôn đoạn từ Nghĩa trang Phương Quan đến đường kênh N7	2022-2022	1,208,802		1,196,000	400,000	300,000	300,000	300,000	
1.7. Xây dựng nhà văn hóa thôn Hoành Bồ xã Lê Hồng	2022-2023	1,457,433		1,300,000	510,000	300,000	300,000	300,000	

1.8. Đường bao bãi rác thôn Hoành Bồ, bãi rác khu vực Ba Hai, thôn Chi Trung, xã Lê Hồng, huyện Thanh Miện	2021-2021	378,303		375,000	250,000	100,000	100,000	100,000	
1.9. Cải tạo, nâng cấp đường giao thông đoạn từ cống Kiều đến điểm dân cư mới thôn Hoành Bồ, xã Lê Hồng, huyện Thanh Miện	2021-2021	1,087,977		1,078,000	651,000	400,000	400,000	400,000	
1.10. Xây dựng điểm sinh hoạt cộng đồng khu vực Ba Hai, thôn Chi Trung, xã Lê Hồng	2022-2022	804,993		750,000	180,000	100,000	100,000	100,000	
1.11. Đường GTNT đoạn từ dốc Đồng Gia đến nghĩa trang Ba Hai, thôn Chi Trung, xã Lê Hồng	2022-2022	3,244,607		3,189,000	30,000	300,000	300,000	300,000	
1.12. Cải tạo rãnh thoát nước từ ngã ba bà Cừ đến ngã ba ông Nghị thôn Lâm Kiều xã Lê Hồng	2022-2022	738,876		605,000	30,000	300,000	300,000	300,000	
<i>Trong đó: hoàn thành trong năm</i>		-	-	-	-	-	-	-	
2. Công trình khởi công mới		843,774	-	-	-	7,000,000	-	300,000	
1.13. Cải tạo rãnh và mở rộng đường đoạn từ đường tỉnh 392C đến nhà văn hóa thôn Vĩnh Mộ, xã Lê Hồng	2024-2024	843,774				7,000,000		300,000	

KẾ HOẠCH THU, CHI CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH KHÁC NĂM 2024
(Dự toán trình Hội đồng nhân dân)

Đơn vị: 1000 đồng

NỘI DUNG	ƯỚC THỰC HIỆN NĂM 2023			KẾ HOẠCH NĂM 2024		
	(năm hiện hành)					
	THU	CHI	CHÊNH LỆCH (+) (-)	THU	CHI	CHÊNH LỆCH (+) (-)
TỔNG SỐ	40,241	0	40,241	0	0	0
1. Các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách	40,241	0	40,241	0	0	0
- Quỹ ủng hộ covid-19	10,241	0	10,241	0		0
- Quỹ đền ơn đáp nghĩa	30,000	0	30,000	0		0
2. Các hoạt động sự nghiệp						0

Ghi chú: Chênh lệch (+) thu lớn hơn chi

Chênh lệch (-) thu nhỏ hơn chi